



KHOA LÝ LUẬN – CHÍNH TRỊ

□ o o o □

TIỂU LUẬN:

***“CƠ CHẾ QUẢN LÝ KINH TẾ VIỆT NAM
THỜI KÌ TRƯỚC ĐỔI MỚI”***



GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN: **THS. TRẦN THỊ THẢO**

NHÓM THỰC HIỆN: NHÓM 5

LỚP HP:

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 5 năm 2010

□ □ □ □ □ □ □ □

LỜI CẢM ƠN

Nhóm chúng em xin chân thành cảm ơn:

- Ban giám hiệu trường Đại Học Công Nghiệp Tp.HCM đã tạo một môi trường và điều kiện thuận lợi cho chúng em trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu đề tài.

- Khoa lý luận - chính trị đã cung cấp cho chúng em những kiến thức bổ ích, những tài liệu liên quan đến đề tài. Đặc biệt là Giảng viên – Thạc sĩ Trần Thị Thảo đã tận tình hướng dẫn và truyền đạt kiến thức cho nhóm 5 chúng em hoàn thành tốt bài tiểu luận này.

PHẦN A: LỜI MỞ ĐẦU

PHẦN B: NỘI DUNG

I. TÌNH HÌNH XÃ HỘI VIỆT NAM THỜI KÌ TRƯỚC ĐỔI MỚI

Trong nhiều thập kỷ trước đổi mới, cũng giống như các nước XHCN khác, Việt Nam thực hiện công cuộc xây dựng đất nước theo mô hình XHCN được quan niệm lúc bấy giờ. Theo đó, chế độ sở hữu toàn dân và tập thể về tư liệu sản xuất và cơ chế kế hoạch hoá tập trung đóng vai trò là những yếu tố chủ đạo của mô hình phát triển. Cần nhấn mạnh rằng trong những năm tháng chiến tranh ác liệt, nhân dân Việt Nam phải ra sức động viên và tập trung sức mạnh toàn dân tộc để vừa xây dựng đất nước, vừa thực hiện cuộc chiến tranh không cân sức nhằm bảo vệ độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc. Việc thực hiện mô hình phát triển này đã mang lại những kết quả to lớn không thể phủ nhận. Đó là sự bảo đảm quyết định để giành thắng lợi trong cuộc chiến giải phóng và bảo vệ Tổ quốc, tạo lập những cơ sở vật chất - kỹ thuật ban đầu rất quan trọng của XHCN, mang lại cho nhân dân cuộc sống tự do, việc làm, quyền làm chủ xã hội cùng với những cải thiện đáng kể trong đời sống vật chất và tinh thần.

Tuy nhiên, thực tế trước đổi mới, nhất là của hơn 10 năm tiến hành xây dựng CNXH trên phạm vi cả nước (1975 - 1986), chứng tỏ rằng trong nền kinh tế mang đậm bản sắc nông dân - nông nghiệp, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, mô hình phát triển gắn với cơ chế kế hoạch hoá tập trung có những khiếm khuyết lớn trong việc giải quyết các nhiệm vụ phát triển, nhất là trong lĩnh vực kinh tế. Sau nhiều năm vận động trong cơ chế kế hoạch hoá tập trung, tuy đất nước có đạt được những thành tựu to lớn, song nhiều vấn đề mấu chốt và thiết yếu nhất của cuộc sống nhân dân (ăn, mặc, ở) vẫn chưa được giải quyết đầy đủ; đất nước chưa có những thay đổi sâu sắc và triệt để trong phương thức phát triển; tình trạng mất cân đối trong nền kinh tế ngày càng trầm trọng; nhiệt tình lao động và năng lực sáng tạo của nhân dân, tài nguyên và các nguồn lực chưa được khai thác, phát huy đầy

đủ, thậm chí bị xói mòn. Nhìn tổng quát, với cơ chế kế hoạch hoá tập trung, nền kinh tế Việt Nam vận động thiếu năng động và kém hiệu quả. Những mất cân đối và nguy cơ bất ổn định tiềm tàng trong đời sống kinh tế - xã hội bị tích nén lại. Tình trạng thiếu hụt kinh niên làm gia tăng các căng thẳng trong đời sống xã hội. Sản xuất công – nông nghiệp bị đình đốn. Lưu thông, phân phối ách tắc. Lạm phát ở mức ba con số. Đời sống của các tầng lớp nhân dân sa sút chưa từng thấy. Ở thành thị, lương tháng của công nhân, viên chức chỉ đủ sống 10 – 15 ngày. Ở nông thôn, vào lúc giáp hạt có tới hàng triệu gia đình nông dân thiếu ăn. Tiêu cực xã hội lan rộng. Lòng tin của quần chúng đối với sự lãnh đạo của Đảng và sự điều hành của Nhà nước giảm sút.

Chẳng hạn như Bà Đinh Thị Vận - 63 tuổi, phường Tương Mai, Hai Bà Trưng (Hà Nội), là công nhân Nhà máy Dệt 8-3 - vẫn còn nhớ: Sau giải phóng miền Nam, gia đình, cơ quan, khu phố của bà cũng như nơi nơi đều ngất ngây trong niềm hạnh phúc vô bờ. Nhưng sau đấy một vài năm thì giá cả tăng vùn vụt, cơ quan của bà không việc làm. Nồi cơm của gia đình bà nấu gạo “mậu dịch” (gạo



từ kho các cửa hàng lương thực của Nhà nước) hồi đủ các thứ mùi: gián, mốc và có khi là xăng dầu..., có khi lẫn những hạt sạn to như hạt ngô. Sau đó gạo mậu dịch cũng thiếu và ngày một lẫn đầy những sạn, ngô, khoai...

Hường, con gái bà, từng nói lên mơ ước trong bài văn nộp cô giáo: “Ngày tết em mong sao có một nồi cơm trắng và một bát thịt kho...”. Một ước mơ không có trong tâm thức những người trẻ bây giờ, nhưng không phải hiếm thời đó. Mỗi tháng, theo chỉ tiêu, cả nhà bà Vận được nhận 2kg thịt. Gọi là thịt nhưng toàn mỡ vụn, bạc nhạc và lại chia làm hai lần. Lần nào cơ quan bà cũng chỉ đủ thịt chia cho 2/3 công nhân. Mỗi tổ phải tự bắt thăm. Ai trúng thì lĩnh trước, không trúng thì chờ đợt sau. Các chị tiếp phẩm (bộ phận

chia thực phẩm) cân hớt mắt một lạng, có biết cũng phải cố mà cười. Ngày lĩnh thực phẩm cả nhà cứ phấp phồng, rình mò và hít khói bếp.

Trên thực tế, đến cuối những năm 70, đất nước đã thực sự lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội. Vấn đề cấp bách đặt ra cho Đảng cộng sản và Nhà nước Việt Nam lúc này là tìm kiếm cách thức phát triển mới có khả năng đáp ứng các mục tiêu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong đó quan trọng nhất là phải tháo gỡ các ràng buộc về cơ chế và thể chế để giải phóng các nguồn lực phát triển của đất nước. Cần phải nói rằng ngay khi đất nước mới lâm vào khủng hoảng, trong nền kinh tế Việt Nam, dưới áp lực của thực tiễn, đã diễn ra hai cuộc thử nghiệm quan trọng:

i) Áp dụng chế độ khoán sản phẩm đến hộ gia đình nông dân trong Hợp tác xã (HTX) nông nghiệp.

ii) Triển khai chế độ "kế hoạch 3 phần" ở các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh. Về nguyên tắc, cả hai cuộc thử nghiệm này đều diễn ra theo một xu hướng chung: nới lỏng các ràng buộc của cơ chế kế hoạch hoá tập trung, mở rộng hơn phạm vi hoạt động của các quan hệ thị trường, trao nhiều quyền chủ động kinh doanh hơn cho các chủ thể kinh tế và người lao động. Phong trào lan rộng ra khắp nền kinh tế và đã nhanh chóng đưa lại những thành tựu nổi bật, trước hết là trên mặt trận nông nghiệp.

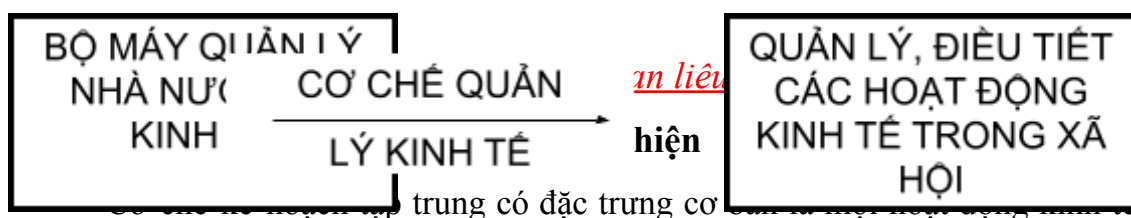
Mặc dù vậy, kết quả của xu hướng cải cách này còn bị hạn chế do việc thực hiện những cải cách theo hướng thị trường mới mang tính cục bộ và chỉ dừng lại ở cấp vi mô, trong khuôn khổ cố gắng bảo tồn cơ chế kế hoạch hoá tập trung ở tầm vĩ mô. Vì vậy, những cuộc thử nghiệm này tuy đưa đến những thành tựu nổi bật trong nông nghiệp nhưng vẫn không ngăn cản được cuộc khủng hoảng ngày càng trở nên trầm trọng. Tình hình đó đã khiến cho đổi mới trở thành một nhu cầu hết sức bức bách, là đòi hỏi bức thiết của cuộc sống.

II. CƠ CHẾ QUẢN LÝ KINH TẾ VIỆT NAM THỜI KỲ TRƯỚC ĐỔI MỚI.

1. Khái niệm cơ chế quản lý kinh tế.

Bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế là hệ thống tổ chức bao gồm nhiều cơ quan, nhiều bộ phận có những chức năng quyền hạn khác nhau nhằm bảo đảm tổ chức và quản lý có hiệu quả các lĩnh vực kinh tế, các hoạt động kinh tế trong xã hội.

Cơ chế quản lý kinh tế là các quy tắc điều chỉnh các hành vi, hoạt động kinh tế của các cá nhân và tổ chức kinh tế; là hệ thống các biện pháp, hình thức, cách thức tổ chức, điều khiển nhằm duy trì các mối quan hệ kinh tế phát triển phù hợp với những quy luật kinh tế khách quan theo mục tiêu đã xác định trong những điều kiện kinh tế xã hội của từng giai đoạn phát triển. Cơ chế quản lý kinh tế tác động sâu sắc đến hiệu quả phát triển của nền kinh tế quốc dân; do vậy, hiệu quả kinh tế xã hội là một trong những tiêu chuẩn quan trọng đánh giá tính đúng đắn của cơ chế quản lý kinh tế. Các cơ chế kinh tế gồm cơ chế kinh tế thị trường, cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung và cơ chế kinh tế hỗn hợp. Cơ chế quản lý kinh tế có thể được xem xét ở nhiều góc độ khác nhau: trong hệ thống kinh tế vĩ mô tồn tại khái niệm cơ chế thị trường và cơ chế kế hoạch tập trung, cơ chế điều tiết vĩ mô; tầm vi mô tồn tại cơ chế tự điều tiết...



xã hội đều theo một kế hoạch thống nhất từ trung tâm, nhấn mạnh quan điểm hiện vật, không coi trọng các quy luật kinh tế, xem nhẹ hạch toán kinh doanh.

Trong giai đoạn trước đổi mới vào năm 1986, chúng ta thực hiện quản lý theo cơ chế tập trung đến mức quan liêu. Nhà nước là người quản lý tất cả, nắm trong tay quyền “cho”, chi phối mọi vấn đề trong hoạt động sản xuất kinh doanh của xã hội. Cơ chế này làm cho nền kinh tế trì trệ trong một thời gian dài, các doanh nghiệp không được tự chủ, không năng động sáng tạo. Theo đó:

□ Về chức năng quản lý: Khi đó, nhà nước can thiệp quá sâu vào các lĩnh vực hoạt động của nền kinh tế, tập trung trong tay mình 3 loại quyền là: quyền quản lý nhà nước về hành chính kinh tế, quyền của chủ sở hữu nhà nước đối với các doanh nghiệp và quyền điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đối với các doanh nghiệp.

□ Về nguyên tắc quản lý: thực hiện nguyên tắc tập trung cao độ. Điều này dẫn đến tệ nạn quan liêu, cửa quyền của nhà nước và tính thụ động, ỷ lại, nạn hối lộ, móc ngoặc của các đơn vị kinh tế.

□ Về hình thức quản lý: Đó là nền kinh tế hiện vật theo kiểu “cấp phát – giao nộp” bằng hiện vật các nguyên liệu đầu vào và các sản phẩm đầu ra. Thực hiện “cơ chế xin-cho” về tài chính.

□ Về phương pháp quản lý: dựa chủ yếu vào phương pháp mệnh lệnh hành chính.

□ Về công cụ quản lý: chủ yếu sử dụng công cụ kế hoạch pháp lệnh mang tính áp đặt từ trên xuống trong việc giao nhiệm vụ sản xuất – kinh doanh bằng hệ thống chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh.

Cũng chính vì những cơ chế trên nên sinh ra cơ chế “xin – cho”. Như vậy cơ chế “xin – cho” trong trường hợp nào đó ngụ ý nói đến:

✓ Quan hệ bất bình đẳng giữa nhà nước và công dân: quan hệ cai trị.

✓ Đặt ra nhiều thủ tục hành chính rườm rà , hành dân để thể hiện quyền lực nhà nước. Không dựa trên sự cạnh tranh bình đẳng giữa các tổ chức, cá nhân trong xã hội trong việc tiếp cận những dịch vụ nhà nước cung cấp; không dựa trên những tiêu chí, biểu mẫu và quy trình cụ thể có thể theo dõi được để

những cá nhân, tổ chức xã hội có nhu cầu có thể đăng ký với cơ quan để thực hiện quyền của mình. (một trong những biện pháp khắc phục là đấu thầu công khai trong các dự án xây dựng để ngăn chặn hiện tượng “chạy” dự án).

✓ Tư duy cũ trong quản lý: ban phát chứ không phải là dịch vụ hành chính cho xã hội, thể hiện trong cung cách phục vụ nhân dân của một bộ phận công chức nhà nước.

✓ Tính tùy tiện, không kiểm soát chặt chẽ được từ phía nhà nước và nhân dân đối với người “cho” và sự “chạy chọt” của người “xin” để xin được và được nhiều.

✓ Là mối quan hệ cứng nhắc trong hệ thống hành chính nhà nước: làm

cho các cơ quan nhà nước không phát huy được tinh thần chủ động sáng tạo, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong phạm vi quyền hạn của mình mà phải trông chờ vào

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU MUA LƯƠNG THỰC X
PHÁT HÀNH NĂM 1988

AI số

(Dùng cho quân nhân phục viên, xuất ngũ.)

- Cấp cho đồng chí: Bùi Văn Giáp

- Đơn vị: Trưởng Quân sự khu vực Miền 1

- Theo quyết định số: 20/1988 ngày 10 tháng 10 năm 1988

Cấp ngày 10 tháng 10 năm 1988

Thủ trưởng đơn vị: Trần Tân
(Ký tên, đóng dấu)

T.L. Bộ trưởng Bộ NN&NT
Vụ trưởng Vụ lương thực

NHỮNG ĐIỀU CẦN CHÚ Ý:

1 - Khi mua lương thực đem theo quyết định xuất ngũ, phục viên và giấy giới thiệu của phường xã hoặc cơ quan nơi quân nhân và tư tử họ đang cư trú.

2 - Họ và tên quân nhân xuất ngũ sẽ có sổ và ngày sẽ trong Quyết định xuất ngũ phục viên phải khớp đúng với phần mua lương thực được cấp.

3 - Phấn mua lương thực mới không cấp lại

15kg AI - 1988 Bán ngày: <u>10/10/88</u> Cửa hàng: <u>10</u> Tên người bán: <u>10</u>	15kg AI - 1988 Bán ngày: <u>10/10/88</u> Cửa hàng: <u>10</u> Tên người bán: <u>10</u>
AI	15kg AI - 1988 Bán ngày: <u>10/10/88</u> Cửa hàng: <u>10</u> Tên người bán: <u>10</u>

cơ-quan-có-thẩm-quyền-“cho”. Phân cấp trong quản lý hành chính nhà nước là một trong những biện pháp để phần nào khắc phục tình trạng này, điển hình là phân cấp quản lý ngân sách cho các địa phương.

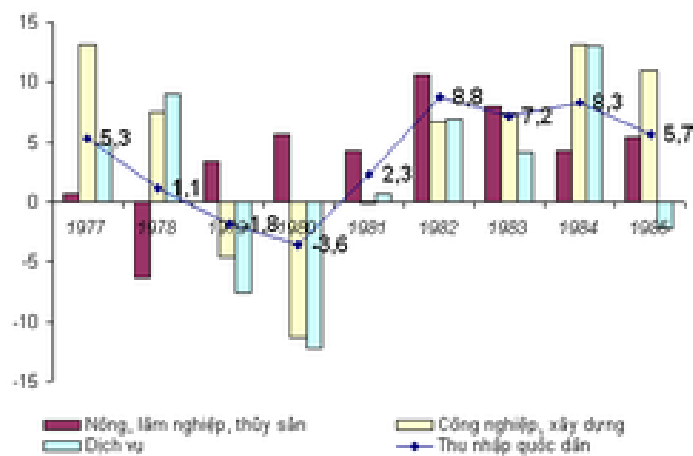
Chế độ bao cấp đc thực hiện dưới các hình thức chủ yếu:

- *Bao cấp qua giá:* Nhà nước quyết định giá trị tài sản, thiết bị, vật tư, hàng hóa thấp hơn giá trị trên thị trường do đó hạch toán kinh tế chỉ là hình thức.
- *Bao cấp qua chế độ tem phiếu:* Nhà nước quy định chế độ phân phối vật phẩm tiêu dùng cho cán bộ, công nhân viên theo định mức qua hình thức tem phiếu. Nó đã thủ tiêu động lực kích thích người lao động và phá vỡ nguyên tắc phân phối theo lao động.
- *Bao cấp theo chế độ cấp phát vốn* của ngân sách nhưng không có chế tài ràng buộc trách nhiệm vật chất đối với các đơn vị cấp vốn; nó làm tăng gánh nặng ngân sách, sử dụng vốn kém hiệu quả.

b. Kết quả, ý nghĩa và hạn chế của quá trình thực hiện cơ chế kế hoạch tập trung quan liêu, bao cấp

- *Kết quả và hạn chế:*

Thành phần kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể luôn bị thua lỗ, không phát huy được vai trò, tác dụng; trong khi đó, các thành phần kinh tế cá thể và tư hữu bị ngăn cấm. Nền kinh tế quốc dân mất cân đối ngày càng nghiêm trọng. Thu nhập quốc dân và năng suất lao động thấp, không đảm bảo được nhu cầu tiêu dùng của xã hội trong khi dân số tăng nhanh. Lương thực, vải mặc và các hàng tiêu dùng thiết yếu đều thiếu. Tình hình cung ứng năng lượng, vật tư; tình hình giao thông vận tải rất căng thẳng. Thị trường, vật giá, tài chính, tiền tệ không ổn định...



Tốc độ tăng trưởng thu nhập quốc dân thực tế hàng năm.

Sản xuất tuy tăng hơn trước, nhưng còn chậm so với khả năng sẵn có và công sức bỏ ra; chưa đáp ứng được yêu cầu cần nhanh chóng ổn định đời sống của nhân dân cũng như yêu cầu tích lũy để công nghiệp hoá và củng cố quốc phòng. Một số chỉ tiêu quan trọng của kế hoạch 5 năm (sản xuất lương thực, xi măng, than, gỗ, vải, hàng xuất khẩu...) không đạt đã ảnh hưởng không tốt đến toàn bộ hoạt động kinh tế và đời sống của nhân dân.

Hiệu quả sản xuất và đầu tư thấp. Các xí nghiệp công nghiệp nhìn chung chỉ sử dụng được một nửa công suất thiết kế; năng suất lao động giảm, chất lượng sản phẩm sút kém.

Tài nguyên của đất nước chưa được khai thác tốt, lại bị sử dụng lãng phí, nhất là đất nông nghiệp và tài nguyên rừng; môi trường sinh thái bị phá hoại.

Lưu thông chưa thông suốt, phân phối không hợp lý, vật giá tăng nhanh, gây tác động xấu đến sản xuất, đời sống và xã hội. Những mất cân đối lớn trong nền kinh tế (giữa cung và cầu về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, năng lượng, nguyên liệu, vận tải..., giữa thu và chi, giữa xuất khẩu và nhập khẩu...) chậm được giảm nhẹ, thậm chí có mặt gay gắt hơn trước.

Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chậm được củng cố. Thành phần kinh tế quốc doanh không phát huy được vai trò chủ đạo trong khi các thành phần kinh tế khác chưa được sử dụng và cải tạo tốt.

Đời sống của nhân dân, nhất là công nhân viên chức, các vùng sâu, vùng xa, vùng gặp thiên tai còn gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn. Nhiều người lao động chưa có hoặc chưa đủ việc làm. Nhiều nhu cầu tối thiểu của nhân dân về đời sống vật chất và văn hoá chưa được bảo đảm.

Hiện tượng tiêu cực trong xã hội chưa được ngăn chặn, thậm chí còn phát triển. Công bằng xã hội bị vi phạm. Pháp luật, kỉ cương không nghiêm. Những hành vi cửa quyền, tham ô, "móc ngoặc" của một số cán bộ và nhân viên nhà nước, những hoạt động làm ăn phi pháp... chưa bị xử lí kịp thời và nghiêm khắc.

Thực trạng nói trên làm giảm lòng tin của quần chúng đối với sự lãnh đạo của Đảng và sự điều hành của các cơ quan Nhà nước

- *Ý nghĩa:*

Tuy vậy, trong thời kỳ kinh tế còn tăng trưởng chủ yếu theo chiều rộng thì cơ chế này có tác dụng nhất định, nó cho phép tập trung tối đa các nguồn lực kinh tế vào các mục tiêu chủ yếu trong từng giai đoạn và điều kiện cụ thể, đặc điểm trong quá trình công nghiệp hóa theo xu hướng ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.

Các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa được cải tạo, kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân và được phát triển ưu tiên, nông dân ở Nam Trung Bộ và Nam Bộ được khuyến khích tham gia sản xuất tập thể.

Hội nhập kinh tế thông qua triển khai các hiệp định hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là trong khuôn khổ Hội đồng Tương trợ Kinh tế từ năm 1978.

3. Nhu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế

a. Nhu cầu thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội

Cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp trong nền kinh tế nói chung, do đã bị kéo dài quá lâu và không còn hợp với thời kỳ phát triển kinh tế - xã hội trong thời bình nên về hình thức thì tập trung cao độ nhưng về nội dung thì Nhà nước ngày càng không thể kiểm soát hết và càng không thể bao cấp hết.

Viễn cảnh là: Nền kinh tế có hai hệ thống giá, hai hệ thống phân phối và phân phối lại. Vào thập niên 80 của thế kỷ 20, trong Ngân hàng thì thiếu tiền mặt nghiêm trọng, bên ngoài thì lạm phát liên tục gia tăng mà đỉnh cao là năm 1986 lạm phát lên tới 774,7% do những tác động trễ của nhiều nhân tố từ 10 năm sau chiến tranh dồn lại! Do tính chất nghiêm trọng của cuộc khủng hoảng kinh tế vào những năm đầu thập niên 80 của thế kỷ 20 - Đặc biệt là trong lĩnh vực phân phối lưu thông mà biểu hiện tập trung của nó được phản ánh trên ba lĩnh vực nhạy cảm nhất: Giá - Lương - Tiền! Nhà nước Việt nam đã phải quyết định tiến hành một

cuộc tổng điều chỉnh Giá - Lương - Tiền với các mục đích: Điều chỉnh sức mua của đồng tiền, điều tiết thu nhập của một bộ phận không nhỏ những người làm ăn bất chính, huỷ bỏ tiền mà kẻ địch đang có trong tay làm phương tiện phá hoại kinh tế. Đồng thời đổi tiền để tổng kiểm tra tồn quỹ tiền mặt của các cơ quan, nhà máy, xí nghiệp và tổ chức kinh tế...

Theo đó, đúng 6 giờ sáng ngày 14/9/1985 Nhà nước đã phải công bố lệnh đổi tiền lần thứ tư kể từ khi thành lập NHQG VN (1951) với tỷ lệ: một đồng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mới bằng mười đồng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũ. Tuy vậy, do nhiều nhân tố không thể lường trước được nên ngay sau cuộc đổi tiền, chẳng những không hạn chế được bớt lượng tiền mặt trong lưu thông mà còn phải phát hành thêm với số lượng lớn phục vụ nhu cầu trả lương, thu mua năm nguồn hàng và trang trải bội chi ngân sách Nhà nước. Chỉ trong vòng hơn ba tháng kể từ sau ngày đổi tiền, Ngân hàng đã phải phát hành thêm một khối lượng gấp 1,38 lần tổng giá trị tiền mới phát hành cho cuộc đổi tiền trước đó. Nhu cầu chi tiêu sau đó lại tiếp tục gia tăng, tiền phát ra thì nhiều, quay về NHTW thì ít mà phần lớn số tiền tín dụng không quay về đã bị "tài chính hoá". Bức tranh về khủng hoảng kinh tế cũ do đó càng trầm trọng hơn: Thiếu tiền trong Ngân hàng, lạm phát trong lưu thông; Vật tư, hàng hoá chủ yếu vẫn tuột dần khỏi tay Nhà nước; Những mạch "kinh tế ngầm" vẫn chảy dữ dội: hội, họ, chợ đen, cho vay nặng lãi, "khoán chui", "phá rào", "núp bóng" v.v. là những cụm từ và là những hiện tượng nhức nhối đã từng xuất hiện phổ biến trong đời sống kinh tế xã hội Việt nam từ những năm trước lại tái diễn và có phần nghiêm trọng hơn vào cuối năm 1985, đầu năm 1986.

Vậy là cơ chế tập trung quan liêu bao cấp đã không còn phù hợp với điều kiện xây dựng kinh tế thời bình - Không thể làm xoay chuyển được sức ỳ của nền kinh tế vốn đang chờ đợi một cách khách quan những động lực khác: Đó là tư duy mới, cơ chế mới, tri thức mới và một kiểu dũng cảm mới - Dũng cảm nhận chân sự thật, đánh giá đúng sự thật và những giải pháp xử lý tận gốc những sự thật bất cập đang hoành hành lúc đó. Nhờ "tư duy đổi mới và một cơ chế vận hành thông

thoáng hơn”, kể từ cuối năm 1986 trở đi, nền kinh tế nước ta đã dần thoát ra được cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội diễn ra trước đó (1975-1985).

Giữa lúc Việt Nam chính thức quyết định tiến hành công cuộc đổi mới, trên thế giới cũng diễn ra nhiều biến đổi quan trọng. Những biến đổi ấy vừa có ảnh hưởng tới Việt Nam, vừa gợi ra những bài học kinh nghiệm mà Việt Nam có thể tham khảo với các mức độ khác nhau. Đó là:

1. Công cuộc cải cách kinh tế Trung Quốc theo hướng thị trường - mở cửa bắt đầu diễn ra từ năm 1978. Tiếng vang của những thành tựu cải cách nổi bật mà Trung quốc thu được đã được Đảng và Chính phủ Việt Nam quan tâm do có sự tương đồng nhiều mặt về các điều kiện kinh tế - xã hội giữa hai nước, mặc dù trong thời gian này quan hệ Việt Nam - Trung quốc vẫn còn căng thẳng, chưa được bình thường hoá.

2. Sự không thành công của công cuộc cải tổ đã dẫn tới sự sụp đổ của CNXH ở Liên xô và nhiều nước Đông âu là một bài học phản diện. Sự sụp đổ đó là bằng chứng về sự thất bại của con đường cải tổ theo kiểu "phủ định sạch trơn", sử dụng "liệu pháp sốc", giải quyết không đúng mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị trong quá trình cải tổ. Cái giá phải trả là rất đắt.

3. Thành công của các nước "công nghiệp mới" ở Đông á đưa ra những gợi ý về cách thức và giải pháp phát triển đối với những nước vốn xuất phát từ những nước nông nghiệp và có quan hệ xã hội theo kiểu những giá trị văn hoá phương Đông. Đó là những thành công của các chiến lược phát triển: phát huy mạnh nội lực, thị trường - mở cửa, hướng vào xuất khẩu và thu hút đầu tư nước ngoài.

4. Xu hướng hợp tác và cạnh tranh trên thế giới đang từng bước thay thế xu hướng đối đầu và xung đột. Tình huống này buộc các quốc gia phải định hướng lại tư duy về các vấn đề phát triển. Khác hẳn trước đây, trong hoàn cảnh phát triển mới, mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế trở thành nhu cầu tự thân bên trong đối với nền kinh tế nông nghiệp vốn mang đậm tính chất khép kín, tự cấp tự túc của Việt Nam.

Toàn bộ tình hình trên đây, ở trong cũng như ngoài nước đã tác động đến Việt Nam về cả hai phương diện. Một mặt, nó đòi hỏi phải đổi mới tư duy phát triển, đặt trọng tâm vào phát triển kinh tế theo một phương thức mới. Mặt khác, nó tạo ra các cơ hội và điều kiện để sự thay đổi đó diễn ra thuận lợi. Đó là điểm khởi đầu cả về lịch sử lẫn lý luận của quá trình đổi mới.

b. Các chủ trương, chính sách đổi mới từng phần từ năm 1979 đến năm 1985 và nhu cầu phải đổi mới triệt để cơ chế kế hoạch tập trung quan liêu, bao cấp

Dưới áp lực của tình thế khách quan, nhằm thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, chúng ta đã có những bước cải tiến theo hướng thị trường, tuy nhiên còn chưa hoàn thiện, triệt để. Đó là khoán sản phẩm trong nông nghiệp theo chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương khóa IV; bù giá vào lương ở Long An; Nghị quyết TW8 khóa V (1985) về giá – lương – tiền, thực hiện Nghị định 25 và Nghị định 26-CP của Chính phủ... Tuy vậy, đó là những căn cứ thực tế để Đảng đi đến quyết định thay đổi về cơ bản cơ chế quản lý.

Đề cập đến sự cần thiết đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, Đại hội VI khẳng định: "Việc bố trí lại cơ cấu kinh tế phải đi đôi với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp từ nhiều năm nay không tạo được động lực phát triển, làm suy yếu kinh tế XHCN, hạn chế việc sử dụng và cải tạo các thành phần kinh tế khác kìm hãm sản xuất, làm giảm năng suất, chất lượng, hiệu quả, gây rối loạn trong phân phối lưu thông, và đẻ ra nhiều hiện tượng tiêu cực trong xã hội". Vậy nên việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế trở thành nhu cầu cần thiết và cấp bách.